

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 4 – 2021
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiều Hoàng Mới;
Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 531/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2020, về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 860/17, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, Biên bản hoà giải ngày 16/12/2020 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày:*

Vào năm 1995, ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, đăng ký kết hôn số 63/2008, ngày 15/8/2008.

Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc được 23 năm và sinh được 02 người con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1998 (khai sinh để tên cha là

Nguyễn Minh P-Bác ruột, do lúc đó, ông không có ở nhà, nên anh ông đi làm khai sinh dùm. Ông sẽ làm thủ tục chuyển đổi lại tên cha sau), hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự lao động để sống và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006, hiện đang sống với mẹ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Đến năm 2018, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, nên thường hay cãi nhau, từ đó vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn gia đình phát sinh và ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ đó ông đã về cha mẹ ruột sống từ ngày 27/3/2020, cho đến nay. Nhận thấy không thể chung sống với bà L được nữa, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1998, hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự lao động để sống, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006, có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi cho đến tuổi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo Biên bản hoà giải ngày 16/12/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Về mối quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, con chung, nợ chung và tài sản chung bà hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng N. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có người đàn bà khác, bà nhiều lần khuyên ngăn ông N từ bỏ, quay về với gia đình, vợ con nhưng ông N không chịu.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông N, bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông N, vì vẫn còn thương chồng, con.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1998, hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự lao động để sống, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006, có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; Nếu theo bà bà đồng ý nuôi dưỡng và yêu cầu ông N cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, đến ngày 06/4/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung, theo Đơn phản tố cùng ngày.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, giao cháu P cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn:

“1. Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

...

3. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”.

[1.1] Theo khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự: *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.*

[1.2] Từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L không có yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, đến ngày 06/4/2021 bị đơn mới có yêu cầu phản tố này.

[1.3] Căn cứ vào quy định nêu trên của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn để xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, bị đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong một vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, ông N và bà

L có nhiều mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ ngày 27/3/2020, đến thời điểm này, cả ông N và bà L cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà L.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông N và bà L có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1998, đã trưởng thành và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006, hiện đang sống với bà L.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu P có nguyện vọng sống chung với mẹ, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, người cha cũng đồng ý giao con cho người mẹ nuôi dưỡng, theo như nguyện vọng của cháu P, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu P cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho ông N, không ai được ngăn cản. Đối với cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1998, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tại phiên tòa, ông N cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 27/4/2021 cho đến khi người con chung này tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000 đồng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 5, Điều 200, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2) Về con chung: Giao cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006 (theo như nguyện vọng của cháu P), đến tuổi thành niên; Ông N được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản. Đối với cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1998, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/9/2006, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (27/4/2021), cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006819, ngày 30/11/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông N còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã X;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng